

Bản án số: 19/2023/ HNGĐ- ST

Ngày 28/4/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoa

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu dân cư H- T, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh H.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1 Trại giam Hoàng Tiến, tổng cục C10 Bộ công an.

Chị T, anh T1 vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn ngày 03/02/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh H. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Hôn lễ của anh chị được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh T1 cùng với bố mẹ đẻ anh T1 tại thôn T, xã L, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh H. Theo chị T, trong thời gian đầu vợ chồng đã chung sống với nhau không hạnh phúc, liên tục phát sinh mâu thuẫn, anh Tuấn không có công ăn việc làm ổn định, ham chơi, không vun vén kinh tế gia đình. Chị T đã nhiều lần khuyên giải, vận động anh tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình bố mẹ, vợ con nhưng anh không nghe dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, khoảng cách hai vợ chồng ngày càng xa, đỉnh điểm của mâu thuẫn dẫn đến ảnh hưởng về tâm lý của chị và của con. Cuộc sống gia đình ngột ngạt, không có tình cảm nên chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị ở khu dân cư T- H, phường C, thành phố C, tỉnh H để sinh sống từ năm 2020 và cũng sống ly thân với anh T1 từ đó đến nay không còn quan tâm liên lạc gì. Kể cả khi ly thân anh T1 cũng có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và không còn nữa, không còn muốn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng không thể hàn gắn được, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Theo anh T1: Ban đầu cuộc sống vợ chồng cũng bình thường, hạnh phúc. Thời gian gần đây anh có đi làm ăn xa nhà và do việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã nói chuyện nhiều lần nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên năm 2020 vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi, chị Thúy đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư Thông C - H, phường C, thành phố C, tỉnh H. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không quan tâm liên lạc. Anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 04/10/2010. Hiện tại cháu D đang ở cùng chị T. Nếu anh chị ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 04/10/2010. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Chị T hiện làm lao động tự do, thu nhập bình quân 10.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa chị T ở cùng với bố mẹ đẻ nên ông bà có điều kiện về chỗ ở, ở sinh hoạt cho hai mẹ con chị T, cũng như thuận lợi cho việc học tập của cháu D. Anh T1 cũng có quan điểm: Hiện tại anh đang phải chấp hành án không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên anh đồng ý giao con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 04/10/2010 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: Chị T và anh T1 đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà N- mẹ đẻ chị T trình bày và xác nhận: Chị T và anh T1 kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh H.

Sau ngày cưới anh chị ở cùng với gia đình nhà anh T1. Anh chị có cãi nhau và đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Nếu chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bà sẽ hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Cháu D trình bày: Nếu bộ mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và bà ngoại. Vì cháu ở với mẹ và bà ngoại từ bé đã quen rồi.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư T – H xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa Chị T và anh T1 địa phương không nắm được. Chỉ xác định được khoảng đầu năm 2020, chị T cùng con đã về nhà bà N ở khu dân cư T- H, phường C, thành phố C, tỉnh H sinh sống.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 04/10/2010 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T1 Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh H. Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1 Trại giam Hoàng Tiến, tổng cục C10 Bộ công an nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị T và anh T1 đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng

mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày. Bất đồng về việc sinh hoạt hàng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà đến năm 2020, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đầu năm 2020 đến nay. Đến đầu năm 2022 anh T1 vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Anh chị có một con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 04/10/2010. Hiện tại cháu D đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị T, anh T thấy rằng: Chị T hiện làm lao động tự do, thu nhập bình quân 10.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng cháu. Anh T1 hiện đang phải chấp hành án, không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của chị là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu D ở với chị T từ nhỏ và hiện đang ở cùng chị T vẫn được chị T chăm sóc tốt nên giao cháu D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Nguyễn Thành D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị T tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn 1.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 04/10/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003665 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh